ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 119 /BC-UBND	*Bình Định, ngày 02 tháng 07 năm 2020*

BÁO CÁO
Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20/12/2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể về cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Thực hiện Công văn số 6503/BNV-CCHC ngày 24/12/2019 của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tổng thể về cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể về cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 06/11/2011 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện về cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015; thực hiện Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện về cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình tổng thể và chỉ đạo việc xây dựng các kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể của Chính phủ đến các cấp, các ngành, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân. Thông qua đó, đã nâng cao nhận

thức của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân về quan điểm, mục tiêu, vai trò, sự cần thiết phải thực hiện cải cách hành chính và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020.

- Công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính của tỉnh tập trung vào việc ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã ban hành trên 321 văn bản, trong đó, có 15 quy định, 55 kế hoạch, 12 chỉ thị về các nội dung liên quan đến chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính như: Quy định về trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính, quy định về mức chi trong công tác cải cách hành chính và trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; quy định về khen thưởng thành tích trong công tác cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách chế độ công vụ công chức.

Triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm một cách có nền nếp bằng việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện gắn với những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp triển khai cải cách hành chính phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, từng địa phương và bám sát với kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định thành lập, kiện toàn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Ban Chỉ đạo cải cách chế độ công vụ, công chức của tỉnh phù hợp với từng thời kỳ; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Từ năm 2012 đến nay, công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đã được tiến hành và thường xuyên đổi mới, hoàn thiện thông qua việc xác định chỉ số cải cách hành chính và khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước bằng các tiêu chí cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ cải cách hành chính của từng năm, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch. Từ đó, giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh nhìn nhận thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và nhận thức sâu sắc hơn về những mong muốn của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, kịp thời có giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Từ năm 2011 đến nay, có 11 mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng trên địa bàn tỉnh, trong đó nổi bật tỉnh Bình Định là một trong những địa phương đề xuất sáng kiến và đã được Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam hỗ trợ thực hiện Dự án khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với một số dịch vụ công trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả đạt được, từ năm 2016 đến nay, hàng năm tỉnh đều tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với một số dịch vụ hành chính công và dịch vụ công (y tế, giáo dục) trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Công tác kiểm tra, giám sát chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính được tăng cường triển khai và thường xuyên được lồng ghép vào các cuộc kiểm tra, chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND tỉnh về kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác kiểm tra, giám sát về cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên hàng năm gắn với kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác "*Dân vận chính quyền"* và kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả hàng năm, đã tiến hành kiểm tra, giám sát định kỳ, chuyên đề về công tác cải cách hành chính đều đạt trên 30% các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời đánh giá, biểu dương những cơ quan, đơn vị làm tốt và phát hiện những sai phạm để xử lý, chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót trong thực hiện cải cách hành chính.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính đã được tỉnh quan tâm thực hiện ngày từ khi triển khai các giai đoan đoạn thực hiện Chương trình tổng thể, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính (giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020). Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đều xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

- Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa các cơ quan chủ trì với các Ban xây dựng Đảng các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, đoàn thể nhân dân, và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh, công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng như:

Tổ chức được nhiều hội nghị triển khai, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn

tỉnh; bố trí cán bộ, công chức đi học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính tại các địa phương làm tốt công tác cải cách hành chính. Đồng thời, huy động và tăng cường lực lượng tham gia tuyên truyền; đổi mới hình thức, phương pháp tuyên truyền; kết hợp tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin truyền thống với việc tận dụng, tranh thủ mặt tích cực, nhạy bén của mạng xã hội (Zalo, Facebook) để nhanh chóng truyền tải rộng rãi thông tin đến quần chúng, Nhân dân về những nỗ lực, cố gắng và kết quả, thành tựu đạt được trong công tác cải cách hành chính của Chính phủ, của tỉnh và của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, tập huấn, chuyên mục "Công dân hỏi-Giám đốc sở trả lời" trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Bình Định đã mở các chuyên trang riêng về công tác cải cách hành chính; định kỳ giới thiệu, tuyên truyền về các mô hình hay, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức được nhiều cuộc đối thoại với tổ chức, doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, chính sách thuế, hải quan, tín dụng, bảo hiểm xã hội…; tổ chức được nhiều buổi giao lưu trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định về các nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước (các quy định về cán bộ, công chức, chính sách xã hội, chính sách về đất đai, báo chí xuất bản, công nghệ thông tin, an toàn giao thông, y tế,...).

Thông qua công tác tuyên truyền, đã nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân về pháp luật, các nội dung, kết quả của cải cách hành chính. Đồng thời tạo khí thế phấn khởi, say mê thực hiện cải cách hành chính của cán bộ, công chức và người dân có điều kiện giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

Nhận thức của cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng nhân dân về vai trò, sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, nội dung và các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cải cách hành chính được nâng lên một bước rõ nét. Bước đầu huy động được các tổ chức thuộc hệ thống chính trị tham gia công tác cải cách hành chính. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị đã thể hiện sự quyết liệt, thường xuyên, trực tiếp và cụ thể trong thực hiện cải cách hành chính; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành từng quý, từng năm gắn với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện cải cách hành chính đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đã phát huy những mặt tích cực, chỉ ra những mặt hạn chế, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng tích cực, tồn tại một số hạn chế như: Việc xây dựng và triển khai một số đề án, dự án, biện pháp, kế hoạch nhằm thực hiện cải cách hành chính trên các lĩnh vực của Chương trình vẫn chưa được nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng tiến độ đề ra. Mặt khác, một số kế hoạch, đề án khi xây dựng có nội dung rất quan trọng và có ý nghĩa nhưng triển khai trong thực tế chưa mang lại nhiều kết quả như mong muốn, còn mang nặng tính hình thức, chưa sát thực tế, chất lượng thực thi chưa cao.

Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính của một số cơ quan, đơn vị chưa tốt, xây dựng các kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị còn chậm, chưa đúng tiến độ đề ra; đồng thời, chất lượng nội dung của kế hoạch cải cách hành chính của nhiều cơ quan, đơn vị còn thấp, mang nặng tính hình thức, chưa xác định nhiệm vụ trọng tâm và chưa bám sát tình hình cụ thể của cơ quan, đơn vị.

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính còn nặng về hình thức, chưa sâu rộng đến các đối tượng quần chúng nhân dân. Việc duy trì chuyên trang cải cách hành chính trên Báo Bình Định và chuyên mục cải cách hành chính trên Đài Phát thanh truyền hình Bình Định chưa được thường xuyên.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát cải cách hành chính tuy đã được quan tâm và thực hiện, nhưng chưa có các biện pháp cụ thể, đủ mạnh để giải quyết hiệu quả, triệt để những sai phạm và những cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện cải cách hành chính không có hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ do cơ quan cấp trên giao.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật

Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, các Bộ Luật, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của trung ương, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; hoàn thiện đồng bộ các thể chế về kinh tế, hành chính, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội, trọng tâm là chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng, khuyến kích, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ xúc tiến thương mại, các quy định về phân cấp, ủy quyền, các quy định về cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước. Từ năm 2011 đến nay, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành theo thẩm

quyền 853 văn bản QPPL trên tất cả các lĩnh vực, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước

- Việc ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền của HĐND và UBND các cấp cũng đã được chú trọng về ban hành cũng như việc tổ chức thực hiện theo thẩm quyền để cụ thể hoá các văn bản của Trung ương cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương[1]. Quy trình xây dựng và thông qua các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã có nhiều đổi mới nhằm làm rõ trách nhiệm giữa cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp gắn với việc triển khai lấy ý kiến các ngành, các cấp đóng góp cho các văn bản dự kiến sẽ ban hành. Trong đó đã đặc biệt quan tâm tới văn bản, thể chế để thu hút đầu tư, xây dựng khu công nghiệp, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, phân cấp, uỷ quyền cho các sở, ngành và cấp huyện trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, với hàng loạt các biện pháp được quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc, việc hướng dẫn thi hành văn bản của trung ương được tiến hành kịp thời hơn, nâng cao hiệu lực thực tế của hệ thống văn bản QPPL, từng bước khắc phục dần tình trạng nợ đọng văn bản hướng dẫn thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện theo Quyết định số 1987/QĐ-TTg ngày 30/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, hàng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật để triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của các cấp, các ngành. Từ năm 2011 đến nay, Sở Tư pháp đã tổ chức trên 30 cuộc kiểm tra công tác theo dõi thi hành trên các lĩnh vực như: tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động, thương binh và xã hội; pháp luật về môi trường; doanh nghiệp khởi nghiệp; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động,....

- Công tác rà soát các văn bản QPPL được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, quy định.

---

[1] Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện VBQPPL của HĐND, UBND các cấp và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; Quy chế phối hợp trong việc cung cấp VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành để cập nhật vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật; Quy định về quy trình, trách nhiệm xây dựng, ban hành VBQPPL; Quy chế kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL...

Nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản QPPL do địa phương ban hành với Hiến pháp năm 2013, qua tiến hành rà soát 123/123 văn bản QPPL của tỉnh đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, không có văn bản trái với Hiến pháp năm 2013 phải sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Từ năm 2011 đến nay, đã tiến hành rà soát văn bản hàng năm và thực hiện tổng rà soát, hệ thống hoá văn bản kỳ 2008-2013 và kỳ 2014-2018 (định kỳ 5 năm/lần) theo quy định của Chính phủ. Kết quả, tổng số văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành được tập hợp để rà soát là 1060 văn bản. Trong đó có 333 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 722 Quyết định và 05 Chỉ thị của UBND tỉnh; số văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần là 442 văn bản. Trong đó: 338 văn bản hết hiệu lực toàn bộ; 104 văn bản hết hiệu lực một phần; số văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực pháp luật là 722 văn bản.

Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo định kỳ đã giúp cho chính quyền các cấp của tỉnh phát hiện, khắc phục, rút kinh nghiệm trong công tác ban hành văn bản QPPL để sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời đã được hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra hàng năm.

- Công tác kiểm tra văn bản QPPL: để thực hiện chức năng kiểm tra văn bản theo quy định, hàng năm UBND tỉnh đều ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản; theo đó, từ năm 2011 đến năm 2019, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra 18 lượt tại UBND các huyện, thị xã, thành phố. Kết quả, tiến hành kiểm tra được 3.792 văn bản; trong đó phát hiện 42 văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung. Các văn bản phát hiện thông qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền, đã được các cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ kịp thời theo quy định, không còn nợ văn bản trái pháp luật.

Công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, nhất là việc thi hành pháp luật về đầu tư, kinh doanh, thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường, lao động, bảo hiểm xã hội, xử lý vi phạm hành chính... từng bước được tăng cường, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã góp phần quan trọng nâng cao ý thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cán bộ và nhân dân, hạn chế đơn thư khiếu nại, ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật

- Các văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành về cơ bản đã đảm bảo điều chỉnh kịp thời, khá đầy đủ các quan hệ xã hội phát sinh ở địa phương. Các văn bản pháp luật quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được đưa ra lấy ý kiến công khai, rộng rãi của các đối tượng chịu sự tác động, đảm bảo tính dân chủ, công khai,

minh bạch thông qua sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng các chính sách pháp luật của Nhà nước. Các quy định trong các lĩnh vực này đã tạo hành lang pháp lý rõ ràng cũng như các điều kiện thuận lợi để thực hiện các chính sách thúc đẩy đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự của tỉnh nhà.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật được bám sát theo nội dung của Chiến lược xây dựng pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao văn hóa pháp luật trong nhân dân. Số lượng đối tượng tiếp nhận thông tin pháp luật ngày một nhiều hơn và có hiệu quả hơn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, trang thông tin điện tử, trung tâm công báo, các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Trong 10 năm đã tổ chức hàng nghìn cuộc tuyên truyền các quy định của pháp luật, trong đó tập trung chủ yếu là những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến công tác và đời sống hàng ngày của nhân dân theo các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương. Với các hình thức và biện pháp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đa dạng và phong phú dễ hiểu phù hợp với trình độ dân trí, đặc điểm dân cư, điều kiện của từng vùng, miền.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật được thực hiện thường xuyên, hình thức được cải tiến, phù hợp với từng nội dung, lĩnh vực giám sát nên hiệu quả được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Các hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về các chủ trương chính sách có liên quan trên địa bàn tỉnh; thực hiện các hoạt động giám sát công tác ban hành, triển khai thực hiện các văn bản QPPL của các cấp, các ngành. Đồng thời Thường trực HĐND tỉnh thực hiện tốt hoạt động giám sát một số nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành (kể cả của nhiệm kỳ trước) nhằm rà soát tính hợp pháp, hợp lý, tính khả thi của nghị quyết để điều chỉnh bổ sung kịp thời đáp ứng việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc ban hành một số văn bản QPPL của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh chưa theo đúng quy trình và chậm so với kế hoạch đề ra, chất lượng văn bản hạn chế, mâu thuẫn, chồng chéo về nội dung quản lý có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của nhiều ngành, đồng thời còn làm cho công tác quản lý văn bản của cơ quan tư pháp gặp nhiều khó khăn. Các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chưa xác định công tác rà soát văn bản QPPL là công tác thường xuyên, nên chỉ làm theo từng đợt, vì vậy không kịp thời loại bỏ những văn bản đã lạc hậu, hết hiệu lực, không đảm bảo tính thống nhất pháp chế. Việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật của cơ quan ban hành văn bản còn chậm so với quy định. Các hình thức theo dõi, thi hành pháp luật còn đơn điệu, chủ yếu căn cứ trên báo cáo của các cơ quan nhà nước, trong khi việc tổ chức điều tra, khảo sát,

thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật chưa thường xuyên, chậm được thực hiện.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành:

Công tác cải cách thủ tục hành chính luôn được coi là nội dung trọng tâm của cải cách hành chính, là khâu đột phá nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh[2]. Mục tiêu hướng tới của cải cách thủ tục hành chính là bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, giảm chi phí và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ kịp thời yêu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Bằng nhiều giải pháp đồng bộ, khả thi, công tác cải cách thủ tục hành chính thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều thủ tục hành chính được đề xuất đơn giản hóa, chuyển đổi phương thức "*từ tiền kiểm sang hậu kiểm*". Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được xây dựng khoa học, hợp lý, bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ thời gian giải quyết, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện thủ tục hành chính cũng được thực hiện nghiêm túc theo quy định; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp.

UBND tỉnh duy trì việc đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp; phối hợp tổ chức "*Ngày Doanh nhân Việt Nam*" và thường xuyên làm việc với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từng bước điều chỉnh mối quan hệ giữa người dân, doanh nhiệp với cơ quan nhà nước, tạo cơ chế giám sát, quản lý của người dân đối với cơ quan nhà nước, giữa lãnh đạo với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý nhằm giảm bớt phiền hà, tiêu cực, thể hiện rõ bản chất và mục tiêu của công tác cải cách thủ tục hành chính.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính:

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ, của tỉnh. Trong thời gian qua,

---

[2] UBND tỉnh ban hành các quy định như: Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội, quy định về trình tự thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Quy định việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giữa cơ quan Nhà nước và Công ty Điện lực Bình Định trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh …; đến nay, 100% cơ quan, đơn vị đã ban hành và thực hiện quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cơ quan hành chính các cấp thực hiện các nội dung nhằm tăng cường phối hợp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các nội dung về công tác rà soát, niêm yết công khai thủ tục hành chính và thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở việc tăng cường hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, đã thực hiện rà soát 2.033 thủ tục hành chính ba cấp và thực hiện "địa phương hóa", công khai 1.875 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; thông qua phương án đơn giản hóa 113 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định.

- Tăng cường việc thực hiện công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ngành và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Triển khai việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, 100% nội dung phản ánh đã được thực hiện một cách kịp thời, đảm bảo thời gian theo quy định.

c) Thực hiện công khai đầy đủ các thủ tục hành chính theo đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện việc niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh và tại hệ thống điểm giao dịch Bưu chính trên địa bàn tỉnh.

d) Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được hoàn thiện và triển khai đồng bộ ở các cấp chính quyền với nhiều đổi mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được thành lập để tiếp nhận giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp huyện và cấp xã được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại, 100% cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã vận hành, sử dụng phần mềm một cửa điện tử, đảm bảo kết nối liên thông giữa các cấp chính quyền; góp phần công khai, minh bạch kết quả giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước và người có thẩm quyền, sự theo dõi, giám sát của người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Ban hành danh mục 1.182 thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa và danh mục 659 thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông được tiếp nhận hồ sơ và trả

kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hẹn và đúng hẹn hàng năm đạt trên 90%, hồ sơ giải quyết trễ hẹn được xin lỗi công khai.

đ) Đến nay, đạt tỷ lệ 11% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, đạt tỷ lệ 4,3% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4; kết nối, tích hợp 16 thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kịp thời cập nhật, ban hành Quy chế hoạt động Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

e) Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay, 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, tỷ lệ hồ sơ phát sinh qua dịch vụ công ích đạt 10%.

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính: UBND tỉnh ban hành các quy định như: Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội, quy định về trình tự thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Quy định việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giữa cơ quan Nhà nước và Công ty Điện lực Bình Định trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh...

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Một số địa phương, đơn vị chưa phát huy, khai thác tốt hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến để giải quyết thủ tục hành chính; vẫn còn tình trạng hồ sơ bị trễ hạn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên môi trường, cấp phép xây dựng, thẩm định hồ sơ dự án đầu tư; việc thực hiện liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong nội bộ tại một số các cơ quan nhà nước còn chậm và chưa quyết liệt, vẫn còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong phối hợp thực hiện; số lượng thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn thấp; không ít người dân và tổ chức chưa hài lòng thái độ và tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của UBND, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Thực hiện rà soát lại bộ máy các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để xây dựng và thực hiện việc sắp xếp, quy định lại cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ từng cơ quan, đơn vị đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ/CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành Trung ương.

Thực hiện sát nhập và cơ cấu lại từ các ban quản lý dự án xây dựng của các sở, ngành thành 03 Ban Quản lý dự án chuyên ngành (Ban Quản lý Dự án công trình giao thông, Ban Quản lý Dự án dân dụng và công nghiệp, Ban quản lý Dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn) thuộc UBND tỉnh; thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh để tập trung giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, qua thời gian hoạt động bước đầu phát huy hiệu quả, tạo thuận lợi trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp (không phải đi đến nhiều cơ quan khác nhau, không phải đi lại nhiều lần…) góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thu hút đầu tư.

- Thực hiện công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39/NQ-TW của Bộ Chính trị[3].

Tiếp tục tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các sở, ngành, quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương nhằm bảo đảm tính hệ thống và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đã phân định được hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với hoạt động của đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thông qua các thể chế phân cấp về tổ chức, nhân sự, tài chính công. Bên cạnh đó, chỉ đạo việc cho tiến hành giải thể các cơ quan, đơn vị hoạt động chưa hiệu quả, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn; tổ chức thực hiện các đề án chuyển đổi các trường mầm non, các trường trung học phổ thông bán công sang hoạt động theo loại hình công lập, công lập tự chủ một phần kinh phí; đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy: UBND tỉnh đã chủ động chỉ đạo sắp xếp kiện toàn bộ máy bên trong của các sở, ngành; qua sắp xếp đã giảm 54 tổ

---

[3] Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh.

chức (20 phòng chuyên môn thuộc sở, 03 chi cục trực thuộc sở, 31 phòng thuộc chi cục); giảm 20 lãnh đạo chi cục (03 cấp trưởng, 17 cấp phó); giảm 47 lãnh đạo phòng thuộc sở (14 trưởng phòng, 33 phó phòng); giảm 52 lãnh đạo phòng thuộc chi cục/ban (31 trưởng phòng, 21 phó phòng); thực hiện giải thể, hợp nhất, sắp xếp 58 tổ chức phối hợp liên ngành.

Hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được đổi mới về tổ chức và quản lý, bảo đảm tinh gọn và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập đã được hợp nhất, sáp nhập nhằm giảm mạnh đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ; các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả được cơ cấu lại hoặc giải thể; các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện được chuyển thành công ty cổ phần. Đến nay, toàn tỉnh đã giảm 117 đơn vị sự nghiệp công lập; chuyển 10 đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ hoàn toàn về tài chính; xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án chuyển 4 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ thành công ty cổ phần; đang thực hiện quy trình cho giải thể 01 đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả.

Công tác xã hội hóa cung ứng dịch vụ công tiếp tục được đẩy mạnh, nhất là trên lĩnh vực y tế, giáo dục. Một số dịch vụ công không thiết yếu, cơ bản đã được chuyển giao cho các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện như đăng kiểm, quy hoạch, kiểm định, sản xuất giống nông nghiệp,...

- Công tác tinh giản biên chế được thực hiện quyết liệt gắn với xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện tinh giản 219/2.449 biên chế công chức, đạt tỷ lệ 8,94% và 2.321/30.028 biên chế viên chức, đạt tỷ lệ 7,73%, giải quyết chính sách tinh giản biên chế cho 1.606 người. Đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn cũng được sắp xếp, bố trí lại theo hướng tăng cường kiêm nhiệm, giảm nhiều so với trước đây.

- Tiếp tục chỉ đạo việc hoàn thiện Quy chế làm việc của UBND các cấp theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu và từng thành viên UBND trong toàn bộ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp. Đồng thời, từng bước hoàn thiện quy trình xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của UBND, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan trình, cơ quan thẩm định trước khi ban hành các quyết định của Chủ tịch UBND và UBND các cấp; coi trọng việc đối thoại với nhân dân và trả lời các chất vấn trong các kỳ họp HĐND các cấp. Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý của UBND đối với các cơ quan chuyên môn trực thuộc bằng việc phân công các thành viên UBND trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

b) Để tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên

môn thuộc UBND cấp tỉnh, đã chỉ đạo tiến hành thành lập, rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các sở, ngành theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương nhằm bảo đảm tính hệ thống và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Tập trung chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, bộ máy bên trong các sở, ban, ngành; thành lập các đơn vị sự nghiệp, các quỹ thuộc các sở, ngành và UBND các huyện để tiếp tục thực hiện sự phân định chức năng, phương thức hoạt động giữa cơ quan hành chính với doanh nghiệp, cơ quan hành chính tham mưu, thực thi chính sách với sự nghiệp cung cấp dịch vụ công để điều chỉnh cơ cấu bộ máy cho phù hợp với quy định hiện hành của Chính phủ.

Thực hiện thí điểm mô hình trưởng ban tổ chức kiêm trưởng phòng nội vụ; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra kiêm chánh thanh tra cấp huyện tại một số địa phương; thực hiện thí điểm mô hình bí thư cấp ủy đồng thời làm chủ tịch UBND tại 01 địa phương cấp huyện và nhiều địa phương cấp xã. UBND tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của, đến nay, các địa phương đã sắp xếp, bố trí giảm 1.134 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn (trong đó: cấp xã giảm 501 người; cấp thôn, tổ dân phố giảm 633 người). Triển khai mô hình bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, khu phố tại hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh.

c) Về phân cấp quản lý

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh. Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được cải cách theo hướng phân công và phân cấp rõ ràng hơn được thực hiện trên cơ sở phân định khá rõ trách nhiệm quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp một cách phù hợp với tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công.

Việc tăng cường thực hiện phân cấp đã gắn với công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm phiền hà, giải quyết nhanh gọn thủ tục cho công dân và doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực, nhất là về đất đai, xây dựng, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; phân cấp về thực hiện chính sách xã hội, quản lý quy hoạch du lịch... nên đã góp phần tạo ra chuyển biến tích cực trong hoạt động của chính quyền địa phương cũng như của các sở, ngành của tỉnh. Thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện theo đúng quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng và chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện theo các quy định, quy chế về phối hợp giải quyết công việc thực hiện chính sách thu hút đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh,

Hàng năm, theo lĩnh vực quản lý nhà nước UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát của các sở, ban, ngành đối với UBND cấp huyện sau phân cấp nhằm kịp thời phát hiện để đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ phân cấp đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

UBND tỉnh chỉ đạo việc xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Nội dung thanh tra, kiểm tra tập trung các lĩnh vực quản lý, sử dụng biên chế, tuyển dụng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và một số lĩnh vực của có liên quan đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Từ năm 2011 đến nay, theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã tổ chức 50 đoàn thanh tra, kiểm tra tại 21/21 cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và 11/11 UBND cấp huyện. Thông đó, đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm, hướng dẫn nghiệp vụ để góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Tiếp tục chỉ đạo triển khai trên diện rộng cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, lao động, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ được giao, chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực hiệu quả; từng bước giảm bớt sự can thiệp của cơ quan chủ quản; mở rộng dịch vụ, tăng nguồn thu, phát triển và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công ở các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, văn hoá, thể dục thể thao...; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động của dịch vụ công. Tổ chức thực hiện các đề án chuyển đổi các trường mầm non, các trường trung học phổ thông bán công sang hoạt động theo loại hình công lập, công lập tự chủ một phần kinh phí.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 32/NQ-CP của Chính phủ, trong giai đoạn 2019-2021 tỉnh không có đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đạt 50% cả hai tiêu chí diện tích và dân số phải thực hiện việc sắp xếp lại đơn vị hành chính.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền Đề án thành lập thị xã Hoài Nhơn và các phường thuộc thị xã Hoài Nhơn; thực hiện việc sáp nhập một số khu phố trên địa bàn thành phố Quy Nhơn; thực hiện việc rà soát, thống kê báo cáo số liệu phục vụ xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị

hành chính cấp huyện, cấp xã; báo cáo Bộ Nội vụ về thực trạng và kế hoạch sắp sếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh đến năm 2021.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các ngành về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực về hạ tầng kỹ thuật, an toàn thực phẩm, y tế, việc khai thác, sử dụng nước với việc quản lý nước (giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)… chưa phân định rõ, còn có sự chồng chéo, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực tế; chức năng quản lý nhà nước với các hoạt động sự nghiệp còn chồng chéo ở một số lĩnh vực.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế chưa quyết liệt, có những trường hợp không thuộc đối tượng tinh giản nhưng vẫn đưa vào diện tinh giản biên chế.

- Một số nội dung phân cấp đã được pháp luật quy định nhưng chậm được triển khai thực hiện hoặc thực hiện không triệt để. Một số quy định phân cấp hiện hành chưa đáp ứng với thực tiễn công tác quản lý của mỗi khu vực, địa phương về điều kiện, đặc điểm, sự khác biệt trong quản lý chính quyền khu vực đô thị với khu vực nông thôn. Thực tế cho thấy, một số nhiệm vụ được phân cấp cho cấp dưới, nhưng chưa bảo đảm các điều kiện tương ứng cần thiết để thực hiện; còn thiếu sự thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các lĩnh vực có liên quan; chưa tạo điều kiện cho địa phương trong chủ động cân đối các nguồn lực và các nhu cầu cụ thể, như: tổ chức thực hiện nhiệm vụ phan cấp ở cấp huyện, cấp xã (do bị giới hạn về định mức biên chế và trình độ chuyên môn); hạn chế về nguồn kinh phí, cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Các quy định về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ngày càng cụ thể, chặt chẽ, sát thực tiễn hơn. Tỉnh ủy đã ban hành các quy định: về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; tiêu chuẩn chức danh; khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý với tinh thần là đẩy mạnh việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ sung, hoàn thiện quy trình 5 bước khi tiến hành bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; ban hành khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý; chính sách về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, về thu hút nguồn nhân lực để triển

khai thực hiện[4].

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm: đến nay, 95% cơ quan hành chính nhà nước[5]; phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm đối với 673/754, đạt tỷ lệ 89,25% tổng số đơn vị.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

Công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức của tỉnh được thực hiện theo hướng cạnh tranh, công bằng, công khai, đảm bảo tiêu chuẩn quy định, từng bước quy chuẩn hoá theo cơ cấu ngạch công chức, hạng viên chức và vị trí việc làm gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.[6]

Thực hiện tuyển chọn 20 Đội viên đưa về làm Phó Chủ tịch xã tại 03 huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và 15 đội viên tăng cường về làm công chức cấp xã tại một số huyện theo phạm vi Dự án, Đề án của Chính phủ để tăng cường trí thức trẻ về công tác tại những địa phương gặp nhiều khó khăn và thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Việc cử công chức, viên chức thực hiện nâng ngạch đối với chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương tiếp tục được triển khai tích cực và từng bước đã có những đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Từ năm 2011 đến nay, UBND tỉnh đã tổ chức được 04 kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính và từ ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương đảm báo tính cạnh tranh, khách quan và công bằng.

Thực hiện việc giải quyết chế độ, chính sách, cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, công tác đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng điều kiện tiêu chuẩn, quy trình thủ tục và quy định của Nhà nước.

- Công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên

---

[4] UBND tỉnh đã ban hành, sửa đổi, bổ sung 11 văn bản QPPL như: Quy định khung điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với CBCCVC lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; Quy chế quản lý hồ sơ CBCCVC; Quy định về chính sách trợ cấp đối với CBCCVC cử đi đào tạo; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh về chính sách thu hút bác sỹ, dược sỹ đại học; sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế trên địa bàn tỉnh;...

[5] Có 20/21 cơ quan hành chính cấp tỉnh (*Văn phòng UBND tỉnh chưa thực hiện*) và 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm công chức, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức

[6] Từ năm 2011 đến nay, Tỉnh đã tổ chức tuyển dụng được trên 1.000 công chức cấp tỉnh, cấp huyện (năm 2020 tiếp tục tuyển dụng 150 công chức của tỉnh). Thực hiện tuyển dụng công chức đặc cách đối với những người tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và thực hiện xét tuyển sinh viên cử tuyển vào công chức đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định

tắc cạnh tranh; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác đánh giá cán bộ từng bước được đổi mới, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được gắn kết với các khâu của công tác cán bộ, bảo đảm sự liên thông giữa các cấp trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và cơ cấu 3 độ tuổi, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài. Trong nhiệm kỳ, đã thực hiện quy hoạch cấp ủy các cấp và các chức danh lãnh đạo chủ chốt theo hướng "động" và "mở"; thường xuyên rà soát, đánh giá đối với cán bộ diện quy hoạch để bổ sung, thay thế kịp thời; thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với một số chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Việc thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhất thể hóa một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, cấp xã đã góp phần bồi dưỡng, tạo nguồn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Phần lớn, cán bộ được luân chuyển có bước trưởng thành về nhiều mặt, có kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng lãnh đạo, quản lý, hết thời hạn luân chuyển được xem xét bố trí và quy hoạch các chức danh, chức vụ cao hơn.

- Thực hiện đổi mới về nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo hướng phù hợp với các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp được đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực, bước đầu gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch; tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; cập nhập bổ sung kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ. UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020 theo Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025" phê duyệt Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời ban hành chính sách để khuyến khích, hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả, đã có 90% cán bộ, công chức đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; hàng năm, có khoảng 60% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng về đạo đức công vụ, về kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.

Đến nay, đội ngũ cán bộ các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành, nghề và lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn, tăng cường cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi công tác ở cấp tỉnh là 21,6%; cấp huyện dưới 35 tuổi là trên 10%; tỷ lệ cán bộ lãnh đạo nữ tham gia cấp ủy tỉnh là 9,1%; cấp ủy huyện là 11,8%. Nguồn cán bộ

lãnh đạo, quản lý được quy hoạch ở các cấp khá dồi dào, bảo đảm sự phát triển lâu dài, bền vững của đội ngũ cán bộ, cơ bản khắc phục tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu" cán bộ ở không ít cơ quan, đơn vị, địa phương. Trình độ các mặt của đội ngũ cán bộ các cấp được nâng lên đáng kể, số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ trên đại học chiếm 7,2%. Chính sách đối với cán bộ được thực hiện kịp thời, công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được thực hiện theo hướng cạnh tranh, công bằng, công khai, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định[7]. Việc xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử được thực hiện nghiêm túc theo quy trình quy định, kết hợp giữa bảo đảm cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh trong công tác cán bộ; kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút, không hoàn thành nhiệm vụ được giao, không chờ đến khi hết thời hạn bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử. Quy định về chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ (thay thế Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013) tiếp tục được quán triệt, thực hiện nghiêm túc, coi đây là một trong những biện pháp để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực của công chức, viên chức chuyên môn khi tiếp xúc, tham mưu giải quyết công việc đối với một số lĩnh vực công tác[8].

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Đến nay đã nhập được 12.402 hồ sơ điện tử vào cơ sở dữ liệu, trong đó, tạo lập được hồ sơ điện tử đối với 100% cán bộ, công chức và đang triển khai nhập cơ sở dữ liệu đối với viên chức trên địa bàn tỉnh. Bước đầu triển khai có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển, thi nâng ngạch cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương

---

[7] Từ 2011 đến nay, tỉnh đã tổ chức tuyển dụng được trên 700 công chức cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện (năm 2020 tiếp tục tuyển dụng 150 công chức hành chính tỉnh, cấp huyện. Trong đó, tuyển dụng đặc cách 47 công chức thuộc diện tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và thực hiện xét tuyển sinh viên cử tuyển vào công chức đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tuyển dụng được trên 3.000 viên chức vào làm việc các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức được 04 kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính và từ ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương

[8] Các sở, ngành như: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Thanh tra tỉnh đã thực hiện tốt việc chuyển đổi vị trí công tác các phòng chuyên môn; ngành Giáo dục thực hiện luân chuyển, điều động hiệu trưởng các trường trung học phổ thông giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ...; các địa phương: An Nhơn, Hoài Nhơn, An Lão,Tuy Phước đã tăng cường chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức cấp xã, viên chức làm kế toán trong các cơ sở giáo dục công lập

hành chính trong các cơ quan nhà nước[9]. Thông qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực thi công vụ.

b) Về công chức cấp xã

- Tăng cường hơn nữa việc chỉ đạo xây dựng và ban hành đồng bộ các quy định của UBND tỉnh về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường thị trấn và thôn làng, khối phố, khu phố trên địa bàn tỉnh, quy định về khoán kinh phí hoạt động đối với mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở xã và thôn phù hợp với quy định của Chính phủ và tình hình cụ thể ở địa phương.

- Hiện nay tỉnh có 1.618 cán bộ và 1656 công chức cấp xã. Trong đó, đạt tỷ lệ 96,8% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (cán bộ 94,6%, công chức 98,9%), trên 70,6% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên (cán bộ 73%, công chức 68,2%).

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều, nhất là đối với cấp xã. Còn bất cập, hạn chế trong quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý của một số sở, ngành, địa phương, đơn vị chất lượng chưa cao, thiếu tầm nhìn xa.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

- Thực hiện chủ trương của Trung ương về cải cách tiền lương, trong giai đoạn 2011-2020, địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: sử dụng nguồn tăng thu ngân sách địa phương, tiết kiệm 10% chi thường xuyên từ dự toán giao đầu năm, trích một phần nguồn thu để lại tại đơn vị. Việc phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi và dành một phần nguồn thu từ các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương đã góp phần tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong việc chi trả tiền lương khi Nhà nước thực hiện chính sách tăng lương.

- Đồng thời, địa phương đã triển khai nhiều giải pháp quản lý chi NSNN chặt chẽ, triệt để tiết kiệm và hiệu quả ngay từ khâu lập dự toán; sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực tài chính đầu tư cho các công trình y tế, giáo dục và đào

[9] Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đối với hầu hết các xã, phường, thị trấn, 35 lượt tại UBND cấp huyện; 21/21 cơ quan hành chính thuộc UBND tỉnh; kiểm tra theo phản ánh của người dân tại 05 đơn vị

tạo... trên địa bàn tỉnh; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, xử lý được các vấn đề cấp bách về thiên tai dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Căn cứ vào tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở đề nghị của các sở, ngành liên quan, UBND tỉnh xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 112/TTg-ĐMDN ngày 19/01/2012.

- Ngày 20/3/2012, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 512/QĐ-CTUBND về việc phê duyệt Phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Theo đó, số lượng doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn này là 10 doanh nghiệp với tổng số tiền thu về là 152,682 tỷ đồng.

- Sau khi hoàn thành Phương án sắp xếp đã được UBND tỉnh phê duyệt nêu trên, trong giai đoạn 2016-2020, Bình Định không có doanh nghiệp phải thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa nên tính đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh còn 05 doanh nghiệp nhà nước thuộc doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định).

- Về giám sát tài chính DNNN: Căn cứ quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ; ngày 19/10/2017, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3872/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Định quản lý nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý và đẩy mạnh việc triển khai các quy định về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành.

c) Thực hiện đổi mới công tác quản lý, sử dụng kinh phí theo kết quả đầu ra và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đầu tư tăng cường tiềm lực một số đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập (Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ, Trung tâm Phân tích và Đo lường chất lượng, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, một số tổ chức khoa học và công nghệ khác) đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của

tỉnh.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước

- Đẩy mạnh việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương nhằm phát huy tính chủ động trong quản lý ngân sách của mỗi cấp, gắn với phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội[10]. Trong đó, các khoản thu ngân sách được phân loại và quy định mức tỷ lệ được hưởng cụ thể ở mỗi cấp; nhiệm vụ chi được giao phù hợp với nguồn thu, những nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp trên nhưng cấp dưới thực hiện thì được ngân sách cấp trên đảm bảo. Theo đó, đến hết năm 2020, đảm bảo trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương, quản lý chặt chẽ nợ công, tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt trên 24%, chi thường xuyên dưới 70% theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 16/6/2017 của Chính phủ.

- Công tác quản lý, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh đã bám sát, tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản, chống thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công theo đúng mục tiêu, định hướng của quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm tính công khai, minh bạch.

- Các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị nhà nước đã thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách nhà nước, tài chính của cơ quan, đơn vị; tăng cường trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc thanh, quyết toán tài chính, thanh tra, giám sát về thu, chi ngân sách hàng năm; minh bạch hóa hoạt động thu phí, lệ phí phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương xã hội hóa, thực hiện các biện pháp cụ thể để khuyến khích phát triển và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công ở các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, văn hoá, thể dục thể thao, công chứng, đấu giá tài sản, đăng kiểm phương tiện vận tải, đào tạo lái xe,… trong môi trường cạnh tranh, bình đẳng.

e) Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong triển khai các dự án đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) trong cung ứng dịch vụ công trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao và các công trình hạ tầng. Triển khai thực hiện dự án Bệnh viên Đa khoa tỉnh – Phần mở rộng theo mô hình đối tác công tư; thực hiện có hiệu quả việc thu hút đầu tư các dự án công trình giao thông theo mô hình BT (xây dựng - chuyển giao) trên địa bàn tỉnh.

g) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

---

[10] Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về việc quy định phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020 và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung (Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018)

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay, 100% cơ quan hành chính cấp huyện, cấp tỉnh và 100% xã, phường, thị trấn đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; 100% đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, trong đó có 05 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư; 35 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 355 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 377 đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu mang lại hiệu quả, số lượng các đơn vị tự bảo đảm chi ngày càng tăng, giảm áp lực tài chính cho ngân sách nhà nước[11]. Các giải pháp, cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,… tiếp tục được thực hiện, khuyến khích mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính chưa thực sự hiệu quả, có nơi còn hình thức. Phần lớn các đơn vị sự nghiệp công lập đều sử dung chi từ ngân sách nhà nước, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm tài chính còn thấp, việc phân bổ kinh phí thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm còn nặng về tư duy bao cấp, chưa chủ động huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước và xã hội để phát triển dịch vụ công. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao còn chậm.

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

Để triển khai thực hiện và hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu chính của Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ "Về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước giai

[11] Đến nay, có 403/403 cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; có 772/772 đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao tự chủ về tài chính.

đoạn 2016 - 2020 và tập trung đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền điện tử[12].

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin

- Đến nay, hạ tầng công nghệ thông tin của hầu hết các cơ quan hành chính từ tỉnh đến xã đã được trang bị hoàn chỉnh, trong đó có trên 95% cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước được trang bị máy tính phục vụ công việc; 100% cơ quan, đơn vị nhà nước có mạng nội bộ.

- Hệ thống văn phòng điện tử (Idesk) đã được triển khai từ tỉnh xuống xã với 393/393, tỷ lệ 100% cơ quan, đơn vị tham gia và kết nối trên Trục liên thông văn bản Quốc gia, bảo đảm việc gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã, phường, thị trấn. Đến nay, tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh đạt trên 95%; xử lý hồ sơ qua môi trường mạng đạt 73,5% (đối với cấp tỉnh).

Hệ thống mạng thông tin diện rộng của các cơ quan Khối Đảng: Đến nay, có 34 điểm kết nối với 73 cơ quan, tổ chức đảng sử dụng gồm: Tỉnh ủy, các ban của Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các hội, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị, thành ủy và các ban của các huyện, thị, thành ủy. Đến nay, Cục Chứng thư số và bảo mật thông tin (Ban Cơ yếu Chính phủ) đã cấp phát 372 chứng thư số cho các tổ chức, cá nhân, các cơ quan đảng, đoàn thể trong tỉnh, trong đó có 276 chứng thư số cá nhân, 96 chứng thư số tổ chức.

- Cổng Thông tin điện tử và Dịch vụ công của tỉnh tiếp tục được đầu tư nâng cấp và hoàn thiện, bảo đảm 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền được cung cấp trực tuyến. Mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và "một cửa điện tử" cấp huyện, cấp xã được coi là bước đột phá về hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh; hướng tới sự thuận lợi và nâng cao mức độ hài lòng cho người dân. Toàn tỉnh hiện có 100% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến, trong đó có 285 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức 3 và 4 (trong đó, có 210/1.875 thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3, đạt tỷ lệ 11,2%; có 82/1.875 thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 4, đạt tỷ lệ 4,4%). Ngoài ra, hình thức thanh toán trực tuyến cũng được đưa vào triển khai và bước đầu đem lại hiệu quả.

- Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng *(đối với cấp tỉnh)* đạt 73,5%; thực hiện cung cấp chữ ký số cho 2.841 tài khoản *(trong đó 100% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đã được cung cấp chữ ký số).*

---

[12] Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Việc xây dựng và triển khai "Hệ thống theo dõi chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh" đã góp phần quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao.

c) Việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tiếp tục được triển khai thực hiện đồng bộ với quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử giúp cho việc theo dõi, kiểm soát quy trình và thời gian giải quyết hồ sơ được chặt chẽ hơn. Đến nay, có 105/159 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã hoàn thành và công bố việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong quản lý. Nhiều cơ quan (38/68 cơ quan, đơn vị) cũng đã thực hiện việc chuyển đổi áp dụng ISO phiên bản TCVN 9001:2008 sang phiên bản mới TCVN ISO 9001:2015.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hạ tầng công nghệ thông tin, nhất là tại nhiều địa phương cấp xã chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức cấp xã còn nhiều hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa được đồng bộ giữa cấp, ngành, gây khó khăn cho việc kết nối, tích hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin; hạn chế đến tính liên thông trong xử lý các công việc hành chính trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

Triển khai quy trình ISO điện tử áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 chưa được đồng bộ, tiến độ thực hiện còn chậm so với mục tiêu của tỉnh đề ra.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

1.1. Công tác cải cách hành chính đã được các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực và đạt được kết quả quan trọng, đã tác động tích cực đến quyết tâm của chính quyền các cấp trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Một số mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình tổng thể đã đạt và vượt mức đề ra.

1.2. Công tác cải cách thể chế của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của chính quyền các cấp .

1.3. Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, giảm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được duy trì, mở rộng, nâng cao hiệu

quả thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước được đề cao; tổ chức tốt việc tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

1.4. Tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở từng bước được tinh gọn. Cơ chế quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được đổi mới, tăng dần tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, giảm dần phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Việc phân cấp, ủy quyền quản lý giữa các cấp chính quyền được mở rộng theo hướng cơ quan nào, cấp nào làm tốt thì ủy quyền, phân cấp cho cơ quan đó, cấp đó thực hiện.

1.5 Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đổi mới. Trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm, kỷ luật kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được nâng lên.

1.6. Cải cách tài chính công đã đạt được kết quả tích cực góp phần tăng cường kỷ luật tài chính, từng bước tăng tính minh bạch trong thực hiện ngân sách. Các cấp chính quyền đã có sự chủ động hơn về nguồn thu và thẩm quyền quyết định chi ngân sách. Việc giám sát chi bằng quy chế chi tiêu nội bộ có nhiều chuyển biến tích cực, làm tăng tính hiệu quả của chi tiêu công, tạo điều kiện chủ động cho các đơn vị cân đối nguồn lực tài chính, tiết kiệm chi để cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

1.7. Hệ thống văn phòng điện tử được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến xã, cùng với hệ thống một cửa điện tử được triển khai đồng bộ, thống nhất tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã đã phát huy hiệu quả tích cực, bảo đảm thông tin thông suốt, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Một số tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính chưa thực sự quyết liệt; một số nội dung cải cách hành chính không tạo được sự đột phá nên tuy có chuyển biến nhưng kết quả đánh giá các chỉ số về cải cách hành chính đạt thấp, thiếu tính ổn định, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Chất lượng một số văn bản QPPL chưa cao, tính khả thi thấp, cá biệt có trường hợp chưa phù hợp với quy định của Trung ương nên phải xem xét, sửa đổi, bổ sung. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật có nơi, có lúc còn hình thức, hiệu quả không cao.

- Một số địa phương cấp xã chưa phát huy, khai thác tốt hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến để giải quyết thủ tục hành chính; vẫn còn tình

trạng hồ sơ bị trễ hạn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên môi trường, cấp phép xây dựng; công tác tham mưu, đề xuất ban hành các quy định, quy chế phối hợp thực hiện liên thông giải quyết thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức; công tác thông tin, tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến chưa phát huy hiệu quả, thiếu các chính sách áp dụng trực tiếp cho người dùng để khuyến khích, đẩy mạnh việc sử dụng.

- Tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước vẫn chưa thực sự tinh gọn; vẫn còn tình trạng chồng chéo, trùng lắp chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan; hiệu quả tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, giảm về số lượng nhưng chất lượng không tăng tương ứng. Hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước từ tỉnh đến xã vẫn chưa thật thống nhất, thông suốt. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm túc, vẫn còn tình trạng tuỳ tiện, thiếu quy định rõ ràng về quy trình phối hợp giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều, còn yếu về năng lực phát hiện vấn đề, tham mưu và đề xuất các biện pháp giải quyết. Một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng hành chính trong thực thi công vụ, còn có những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây bức xúc trong nhân dân. Công tác kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý cán bộ, công chức có vi phạm pháp luật chưa thường xuyên, hiệu quả thấp.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính chưa thực sự hiệu quả, có nơi còn mang tính hình thức; chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ, giao biên chế và giao kinh phí. Kinh phí hoạt động của phần lớn các đơn vị sự nghiệp công lập đều do ngân sách nhà nước bảo đảm, số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên còn thấp. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao còn chậm.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa được đồng bộ hóa trong toàn tỉnh (còn tách riêng khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền), còn nhiều đầu mối và thiếu sự gắn kết và đồng bộ. Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt thấp. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện nghiêm các yêu cầu trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015. Việc triển khai đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan hành chính, nhất là đối với cấp xã còn hạn chế.

b) Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Cải cách hành chính là công việc khó khăn, phức tạp, nhiều lực cản. Các văn bản QPPL do Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành thiếu đồng bộ, còn thường xuyên thay đổi; các văn bản chỉ đạo thiếu nhất quán, chồng chéo. Nguồn lực và những điều kiện bảo đảm cần thiết cho cải cách hành chính còn chưa đáp ứng

yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa xác định đúng vị trí, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính nên chưa quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; chưa quyết tâm xử lý triệt để các hạn chế, thiếu sót và vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức.

Tính chủ động trong công tác tham mưu của một số sở, ngành trên các lĩnh vực cải cách hành chính còn hạn chế, chậm đề xuất, thiếu kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện, có lúc, có nơi còn buông lỏng, ngại đổi mới.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác cải cách hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện vụ cải cách hành chính; coi cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị; kết quả thực hiện cải cách hành chính phải là tiêu chí quan trọng để đánh giá, phân loại và bình xét thi đua khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, quyết tâm, quyết liệt, liên tục trong triển khai cải cách hành chính với các mục tiêu, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Thường xuyên tổ chức đối thoại trực tiếp với nhân dân, doanh nghiệp; khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về sự phục vụ của các cơ quan nhà nước để khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót trong công tác cải cách hành chính.

- Nâng cao năng lực, kỹ năng làm việc, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật; chấn chỉnh, phê bình cá nhân, tổ chức chưa làm tốt, hiệu quả thấp.

- Chú trọng thực hiện một cách thực chất, đồng bộ, đầy đủ các nội dung trong công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; tập trung xây dựng và hoàn thiện theo thẩm quyền hệ thống thể chế nhằm triển khai đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ cải cách hành chính được tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phát huy tính hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính; phát huy tốt vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nhằm tạo sự chuyển biến thực sự và

rõ nét trong thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Phần thứ hai
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ và hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính trong giai đoạn 2020-2030, tỉnh Bình Định đề xuất tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác cải cách hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá trong triển khai thực hiện. Coi trọng công tác thí điểm các mô hình mới, các sáng kiến về cải cách hành chính để đánh giá, rút ra những vấn đề cần xử lý tiếp và nhân rộng nếu thấy phù hợp. Chú trọng biểu dương những cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị vi phạm. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác cải cách hành chính.

2. Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, khắc phục tính cục bộ trong việc chuẩn bị, soạn thảo các văn bản; đề cao trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình xây dựng văn bản, phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản QPPL, bảo đảm các văn bản QPPL do tỉnh ban hành nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả kịp thời trong quản lý nhà nước. Chú trọng công tác rà soát các văn bản QPPL do Trung ương và tỉnh ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

3. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thường xuyên rà soát, kiến nghị đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính không phù hợp; chuẩn hóa các quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát tốt trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan đầu mối. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, giám sát cấp dưới trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trong việc giải quyết công

việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp; giảm nhanh tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn, nhất là ở cấp xã, nghiêm túc xin lỗi người dân, tổ chức và doanh nghiệp khi để xảy ra trễ hẹn. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để đẩy mạnh, phổ biến phương thức giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đáp ứng yêu cầu Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; thực hiện tinh giản biên chế theo hướng thực chất, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng lộ trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Tập trung nâng cao chất lượng, năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục triển khai việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn hóa các chức danh lãnh đạo quản lý, chuyên môn nghiệp vụ. Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ và chính sách cán bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ theo kết quả công việc; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; thực hiện nghiêm các quy định trình tự, thủ tục và tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ chuyên môn theo quy định. Thí điểm tổ chức thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng; hoàn thành việc bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập; chủ động chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên; thực hiện quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp để giảm mạnh tỉ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các cơ sở y tế công lập và cơ sở giáo dục công lập). Đẩy mạnh xã hội hoá, nhất là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn mà khu vực ngoài công lập làm được và làm tốt; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển lành mạnh thị trường dịch

vụ sự nghiệp công và có chính sách thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Tổ chức triển khai hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; đẩy nhanh việc chuyển đổi cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành. Tập trung triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0. Xây dựng, sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và kết nối thông suốt giữa Trung ương và địa phương. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu, thông tin chỉ đạo, điều hành từ UBND tỉnh, đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Thực hiện nâng cấp và sử dụng hiệu quả hệ thống họp trực tuyến, họp không giấy. Nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần đổi mới phương pháp, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc.

8. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá cải cách hành chính, bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan và công bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức triển khai công tác chấm điểm vào thời điểm ngay khi kết thúc năm công tác để đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương và kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong triển khai công tác cải cách hành chính.

Phần thứ ba
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Một số kiến nghị, đề xuất với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ để các địa phương có cơ sở triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn theo đúng lộ trình của Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII trong đó, quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, số lượng biên chế tối thiểu, số lượng cấp phó tối đa để địa phương thống nhất thực hiện sắp xếp đồng bộ với các Nghị quyết của Đảng.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành các ban hành mới các chính sách về quản lý cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với nội dung mới được sửa đổi, bổ

sung trong Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi bổ sung: Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND; Nghị định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính nhà nước phù hợp với Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Nghị định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (thay thế Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức) Nghị định về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (thay thế Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức); Nghị định quy định chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (thay thế Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004).

- Đề nghị Chính phủ xây dựng định mức phân bổ chi ngân sách địa phương cần được xây dựng phù hợp theo mức tiền lương cơ sở cho năm đầu và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách; xây dựng và phân bổ dự toán chi thường xuyên theo chỉ tiêu dân số cho một số lĩnh vực chi phù hợp và có liên quan đến số dân của từng địa phương.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công; các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

- Hiện nay, căn cứ pháp lý của rất nhiều thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác đã có hiệu lực thi hành, nhưng các Bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính, gây khó khăn cho các địa phương trong công tác xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị Chính phủ xem xét, đề nghị các Bộ, ngành tiến hành rà soát, thực hiện công bố thủ tục hành chính đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp xem xét có giải pháp để các địa phương cấp tỉnh tích hợp, đồng bộ Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh với phần mềm chuyên ngành do các Bộ triển khai để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý dữ liệu, hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.

2. Một số kiến nghị đối với các bộ, ngành trung ương

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục rà soát ban hành các thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh sau khi có sự sắp xếp, tổ chức lại theo quy định.

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương ban hành hướng dẫn cụ thể về quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập; việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí hoạt động.

- Đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí kết cấu trong giá khám bệnh, ngày giường bệnh và các dịch vụ kỹ thuật y tế để các địa phương có cơ sở tính đúng tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ, khám chữa bệnh và hỗ trợ các chi phí chưa kết cấu trong giá theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Ngày ký: 02-07-2020 14:00:10 +07:00

Phan Cao Thắng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, TX, TP;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, TT PVHCC;
- Lưu: VT, KSTT.